



GMP-WHO

GMP-WHO ĐÔNG DƯỢC

Nguồn lực không bao giờ cạn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

“Cỏ cây hoa lá, vị thuốc Việt Nam cung cấp nguồn nguyên liệu thiên nhiên vô tận cho Danapha trong lĩnh vực sản xuất thuốc đông dược. Với việc đầu tư chuyên sâu vào nguồn nhân lực, trang thiết bị công nghệ, hệ thống nhà xưởng, cùng với dự án phát triển vùng nguyên liệu, Danapha tự tin vượt qua mọi thách thức, sẵn sàng cho việc niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán với những kết quả kinh doanh hết sức khả quan.”





Mục lục

04	Con số ấn tượng
06	Sự kiện nổi bật
08	Giới thiệu Danapha
10	Tổng quan về Danapha
12	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
15	Cấu trúc Công ty
18	Báo cáo kết quả HĐKD 2010
25	Báo cáo Tài chính
	<ul style="list-style-type: none">• Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập• Bảng cân đối kế toán• Thuyết minh báo cáo tài chính



Ông **CAO MINH QUANG**
Thứ trưởng thường trực Bộ Y tế

“Việt Nam có nhiều điều kiện tốt về địa lý thổ nhưỡng, nên ngành Dược liệu có tiềm năng rất lớn và quan trọng vì nó là nguyên liệu đầu vào cho sản xuất công nghiệp dược. Trong định hướng phát triển ngành dược Việt Nam trong giai đoạn mới thì sự tham gia của các doanh nghiệp là rất quan trọng. Việc Danapha đầu tư nhà máy sản xuất thuốc đông dược GMP-WHO với quy trình sản xuất khép kín, được chuẩn hóa tự động từ khâu nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm sau cùng là hoàn toàn phù hợp với quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành dược Việt Nam đã được xác định tại Nghị quyết 46/NQ/TW ngày 23/2/2005 của Bộ Chính trị.”



Khánh thành NHÀ MÁY GMP ĐÔNG DƯỢC



CON SỐ ẢN TƯỢNG

205,892 tỷ đồng doanh thu năm 2010, đạt mức tăng trưởng **122,02%** so với năm 2009



Đạt mức tăng trưởng

122,02%

so với năm 2009



02

26,992 tỷ đồng lợi nhuận năm 2010, đạt **122,34%** so với năm 2009

03

1,742 triệu USD kim ngạch xuất khẩu 2010 đạt mức tăng trưởng **190,7%** so với năm 2009



2010

Sự kiện nổi bật

6/11/2010

Danapha khánh thành Nhà máy sản xuất Đông dược đạt chuẩn GMP-WHO có quy mô hoàn thiện bậc nhất Việt Nam.

18/8/2010

Trung tâm dược liệu sạch đầu tiên của Công ty Cổ phần Dược Danapha đã được Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 2 công nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices, Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi của Việt Nam).



Giải thưởng và danh hiệu

"Top 100 Thương hiệu Việt hàng đầu 2010" và giải thưởng "Doanh nhân ưu tú" trao tặng Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

"Top 100 giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2010" của TW Hội Doanh nhân Trẻ Việt Nam.

Bằng khen "thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động PCCN 2010" của UBND Tp. Đà Nẵng.

Bằng khen "Vi thành tích chăm sóc sức khỏe người lao động" của Bộ Y tế.

Danh hiệu "Hàng Việt Nam Chất lượng cao" (1999 -2011)

GIỚI THIỆU DANAPHA

Tổng quan về Danapha

Sứ mệnh

Hoài bão

Tầm nhìn

Triết lý kinh doanh

Giá trị cốt lõi

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT





TỔNG QUAN VỀ DANAPHA

Cổ phần hóa từ tháng 10/2006 và chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2007 với tên gọi Công ty Cổ phần Dược Danapha. Qua hơn 46 năm trưởng thành và phát triển, Danapha ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm, thương hiệu uy tín tại Việt Nam và thế giới. Đến nay, Danapha hiện có 2 nhà máy với 4 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc của tổ chức y tế Thế giới” (GMP-WHO); bao gồm hệ thống kho GSP, phòng kiểm nghiệm GLP, trong đó có nhà máy sản xuất thuốc Đông dược vừa được khánh thành và đi vào hoạt động tháng 11/2010. Sản phẩm của Danapha được phân phối trên khắp 63 tỉnh thành trong cả nước thông qua 4 chi nhánh tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Thanh Hóa và các đại lý, nhà phân phối tại các địa phương và xuất khẩu sang các nước Nga và các nước CIS, Lào, Myanmar... Doanh thu hàng năm tăng trưởng từ 20 - 25%.

Sứ mệnh

Nỗ lực cống hiến vì sức khỏe cộng đồng với những giá trị nhân văn cao đẹp.

Hoài bão

Đưa Danapha trở thành thương hiệu dược phẩm danh tiếng trong khu vực Đông Nam Á.

Tầm nhìn

Là một trong top 10 nhà sản xuất dược phẩm uy tín tại Việt Nam.

Triết lý kinh doanh

- Sản xuất những sản phẩm mang giá trị hàm lượng kỹ thuật, công nghệ cao, đạt chất lượng, với hiệu quả điều trị tối ưu.
- Không ngừng đổi mới vì sự chuyên nghiệp và phát triển bền vững.
- Nhân lực là yếu tố quyết định mọi thành công của Danapha.
- Chú trọng hiệu quả chiều sâu của công việc.

Giá trị cốt lõi

1. Sự tôn trọng.
2. Tính chính trực.
3. Tính minh bạch.
4. Sự đổi mới.
5. Chất lượng.
6. Chú trọng khách hàng.
7. Tinh thần tập thể.
8. Tính hiệu quả.
9. Hướng đến cộng đồng.
10. Tính chuyên nghiệp.





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ths. Ds. NGUYỄN QUANG TRỊ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Tôi tin chắc rằng, trước định hướng phát triển doanh nghiệp đúng đắn, các bước chuẩn bị bài bản cùng sự đồng thuận của ban lãnh đạo và đội ngũ CBCNV, Danapha sẽ tiếp tục tăng trưởng bền vững và đạt nhiều thành quả lớn hơn trong tương lai.

Quý vị cố đồng kính mến!

Nhìn lại năm qua với một số trở ngại mang tính khách quan, song tập thể CBCNV Danapha đã hết sức cố gắng để hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Năm 2010, doanh thu của Danapha 205,892 tỷ đồng đạt 98,04%, lợi nhuận 26,992 tỷ đồng, đạt 93,57% so với kế hoạch, đảm bảo việc làm ổn định cho CBCNV, đời sống người lao động được quan tâm và cải thiện hơn, mức thu nhập bình quân 7,2 triệu đồng/tháng/người. Ban lãnh đạo công ty đã có những nỗ lực nhất định trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, xây dựng các chương trình hành động phục vụ cho các mục tiêu phát triển lâu dài của công ty.

Năm 2011 với những thách thức và khó khăn trước mắt, bên cạnh việc tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển đến 2015 - tầm nhìn đến 2020, ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch, đề ra những định hướng các công việc như sau:

Một là, Triển khai thực hiện và hoàn thiện các công trình, gồm:

- Xây dựng tòa cao ốc văn phòng Danapha ở đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng.
- Hoàn thiện Trung tâm nghiên cứu phát triển và xây dựng cơ chế hoạt động cho Trung tâm.
- Tiếp tục phát triển và mở rộng các vùng trồng dược liệu đạt chuẩn GACP.
- Định hướng phát triển nguồn nhân lực dược sĩ được đào tạo bài bản cho khu vực miền Trung.

Hai là, về công tác phát hành cổ phiếu:

- Phát hành theo dự kiến 2 triệu cổ phiếu, nâng vốn điều lệ công ty lên 82 tỷ đồng.
- Tiến hành niêm yết khi có đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất.

Ba là, Trong công tác sản xuất:

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dây chuyền sản xuất tại các nhà máy theo hướng hiện đại, tự động hóa, giảm lao động thủ công, giảm sai sót.
- Tăng năng suất và mở rộng quy mô nhằm phục vụ cho kế hoạch phát triển lâu dài.

Bốn là, Trong công tác nhân sự:

- Tiếp tục tái cấu trúc nguồn nhân sự theo hướng gọn nhẹ và hiệu quả, tập trung cho công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- Tập trung phát triển đội ngũ bán hàng: có tâm, năng động, nhiệt tình, tự tin và được trang bị đầy đủ kiến thức về sản phẩm cũng như kiến thức bán hàng.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thể hiện rõ nét bản sắc Danapha dựa trên những yếu tố và truyền thống đã và đang có.

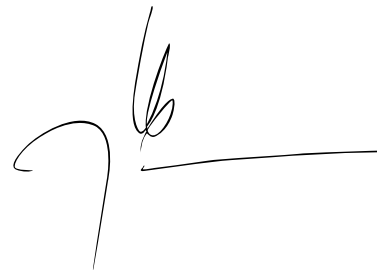
Năm 2011 tập thể CBCNV Danapha cùng cố gắng tiếp tục phấn đấu xây dựng và phát triển Công ty lên tầm cao mới trên tinh thần chủ động trong công tác, năng động trong công việc, hết mình trong sản xuất, kinh doanh; hăng hái tăng ca, tăng năng suất sản xuất, tích cực phát triển địa bàn, khách hàng, nâng cao doanh số, giữ vững chất lượng sản phẩm. Trên tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong công việc, tôi tin rằng, nhất định tập thể CBCNV Danapha sẽ đạt được kế hoạch đã đề ra và gặt hái nhiều thành công trong năm 2011 này.

Ban lãnh đạo và Hội đồng Quản trị Công ty CP Dược Danapha trân trọng gửi lời cảm ơn đến tập thể CBCNV đã hết sức nỗ lực với tinh thần làm việc hết mình; đồng thời gửi đến Quý vị cố đồng lời cảm ơn chân thành về những tin tưởng và sự ủng hộ đối với Danapha trong thời gian qua. Tôi tin chắc rằng, trước định hướng phát triển doanh nghiệp đúng đắn, các bước chuẩn bị bài bản cùng sự đồng thuận của ban lãnh đạo và đội ngũ CBCNV, Danapha sẽ tiếp tục tăng trưởng bền vững và đạt nhiều thành quả lớn hơn trong tương lai.

Kính chúc Quý vị cố đồng sức khỏe và gặt hái nhiều thành công!

Trân trọng!

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

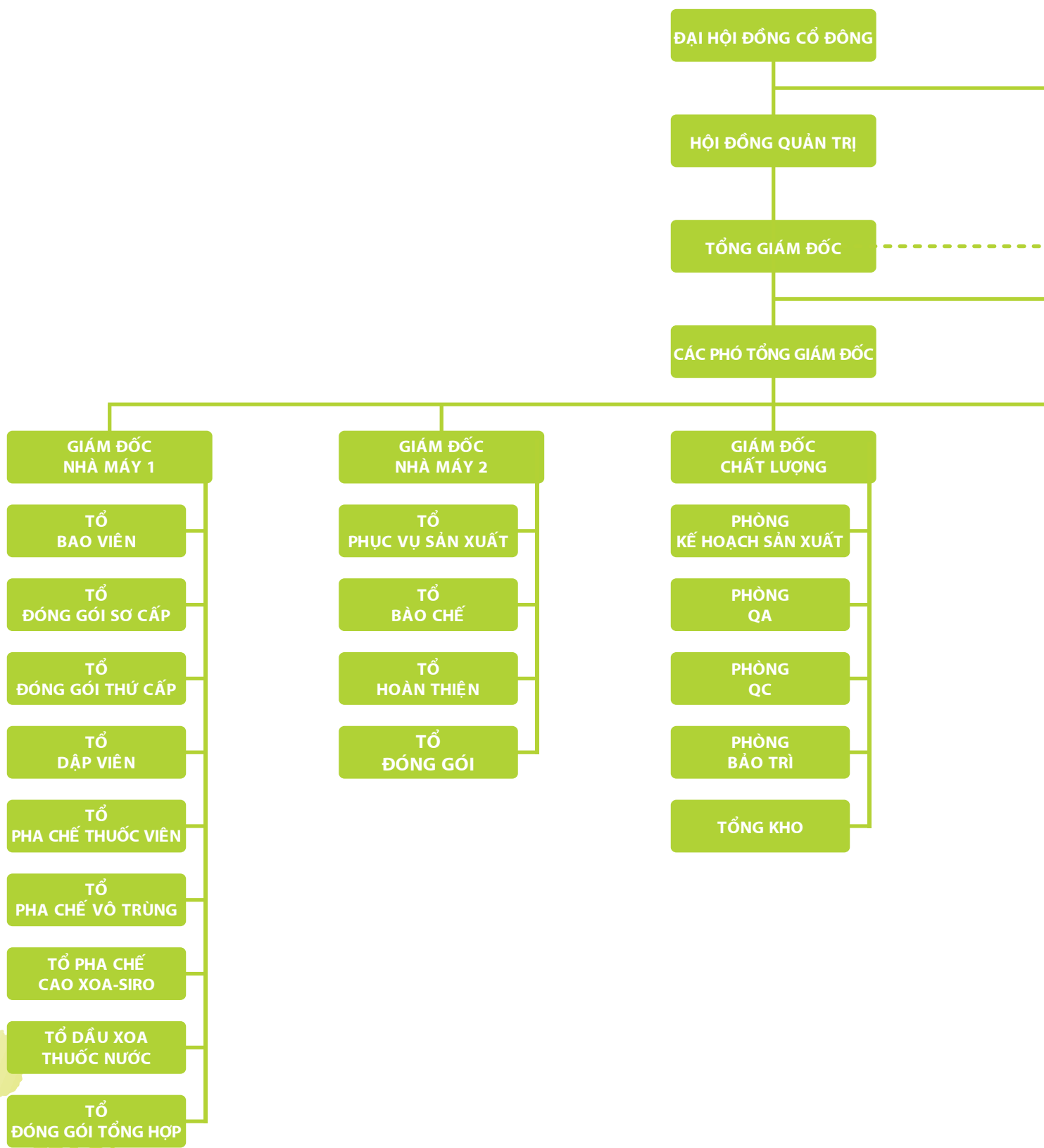


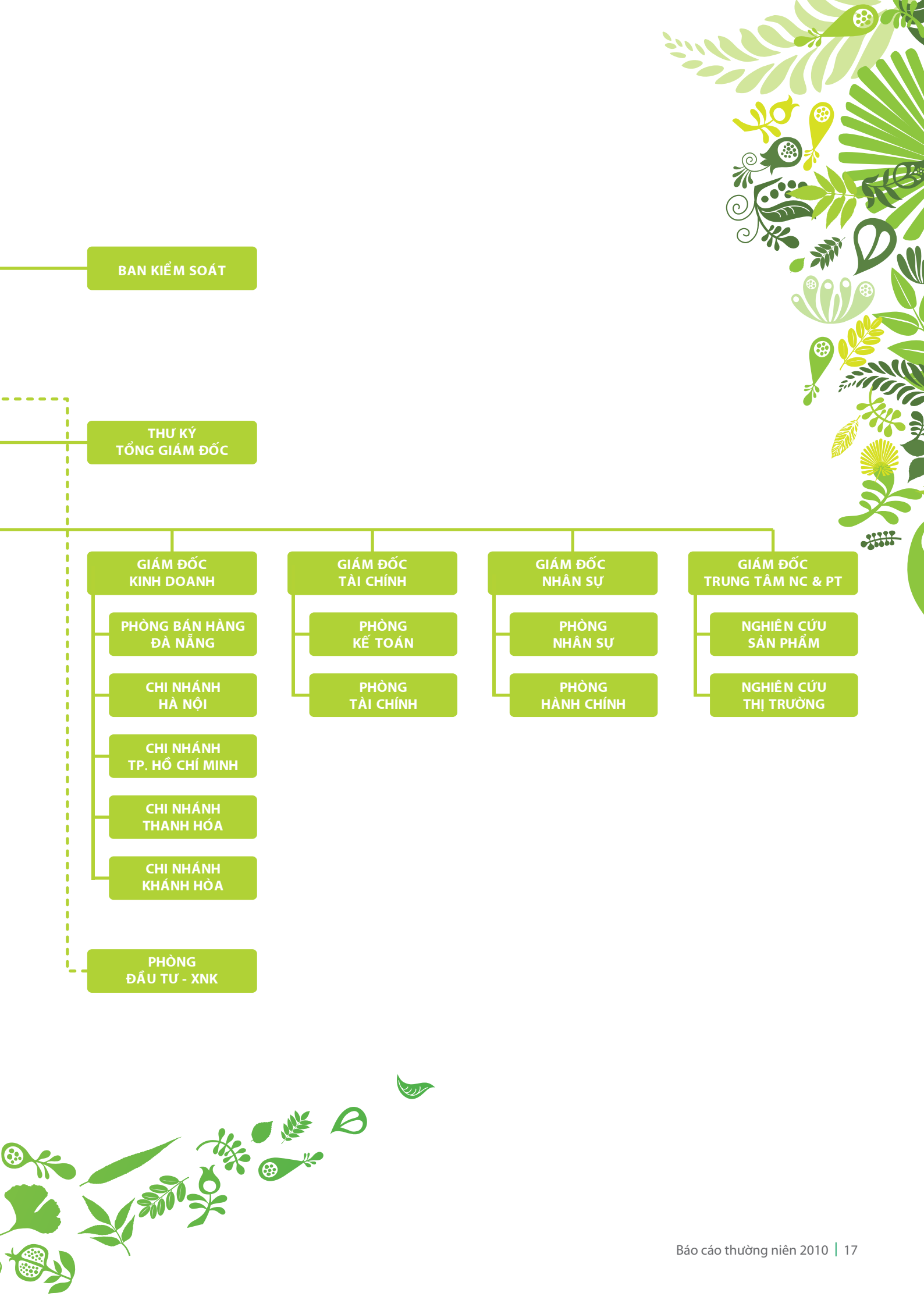
Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA





BAN KIỂM SOÁT

THƯ KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
KINH DOANH

PHÒNG BÁN HÀNG
ĐÀ NẴNG

CHI NHÁNH
HÀ NỘI

CHI NHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH

CHI NHÁNH
THANH HÓA

CHI NHÁNH
KHÁNH HÒA

PHÒNG
ĐẦU TƯ - XNK

GIÁM ĐỐC
TÀI CHÍNH

PHÒNG
KẾ TOÁN

PHÒNG
TÀI CHÍNH

GIÁM ĐỐC
NHÂN SỰ

PHÒNG
NHÂN SỰ

PHÒNG
HÀNH CHÍNH

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM NC & PT

NGHIÊN CỨU
SẢN PHẨM

NGHIÊN CỨU
THỊ TRƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010





Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 và mục tiêu, chương trình hành động năm 2011

I. Khái quát tình hình năm 2010:

1. Thuận lợi:

- Thị trường dược phẩm Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng nhanh với tốc độ tăng trưởng 25% mỗi năm và đạt giá trị khoảng 2 tỉ đô la vào năm 2012 (số liệu từ Cục Quản lý Dược).
- Chi tiêu cho dược phẩm tăng lên do nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao, trong đó nhu cầu về thực phẩm chức năng đang tăng trưởng mạnh, gần 30%.
- Số liệu thống kê sau 10 tháng cho thấy tình hình thị trường dược phẩm cơ bản ổn định, không có sự tăng giá đột biến, đảm bảo được nhu cầu thuốc cho khám chữa bệnh, công tác quản lý hoạt động cung ứng, sử dụng thuốc và giá thuốc tiếp tục nhận được sự quan tâm của chính phủ.
- Các doanh nghiệp Dược với khả năng đáp ứng ngày càng cao về chất lượng đã dần thay đổi cách nhìn của người điều trị và người bệnh về thuốc nội, tỷ lệ sử dụng thuốc nội ngày càng được cải thiện rõ rệt tại các cơ sở khám chữa bệnh.
- Thời tiết trong năm có nhiều bất lợi, nắng nóng gay gắt trong các tháng đầu năm và chuyển mùa lạnh sớm trong các tháng cuối năm đã ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân khiến nhu cầu thuốc chữa bệnh tăng.

2. Khó khăn:

- Tình hình nắng nóng kéo dài và thiếu điện trong những tháng đầu năm dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Việc kiểm soát giá thuốc vẫn còn nhiều bất cập nhất là thuốc nhập khẩu dẫn đến các khó khăn nhất định cho việc tiêu thụ thuốc trong nước.
- Công tác đấu thầu thuốc tại các bệnh viện vẫn còn nhiều bất cập, khả năng thu hồi nợ tại các bệnh viện vẫn còn rất chậm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Khả năng đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao của ngành Dược vẫn còn hạn chế, nhất là khu vực miền Trung.
- Tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt đối với các sản phẩm thuốc thông thường của các doanh nghiệp trong nước.
- Sự biến động của thị trường tài chính, lãi suất, tỷ giá ngoại tệ tăng mạnh ảnh hưởng nhiều đến hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010:

1. Về công tác quản trị điều hành:

- Năm 2010 là năm mà công ty tiếp tục có sự chuyển biến mạnh mẽ ở tất cả các mặt như công tác đầu tư, công tác nhân sự,... Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm đã thông qua được các vấn đề sau:
 - + Báo cáo các nội dung liên quan và thông qua các chủ trương về các dự án đầu tư trong năm;
 - + Thông qua các nội dung liên quan và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2010;
 - + Thảo luận và thống nhất thông qua phương án phát hành năm 2010;
 - + Thông qua việc thành lập mới các chi nhánh công ty tại Thanh Hóa và Khánh Hòa;
 - + Thông qua chủ trương đầu tư cao ốc văn phòng và đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất cho năm 2011;

- + Thông qua chủ trương phát hành thêm 2 triệu cổ phiếu trong năm 2011.
- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động của công ty, thu nhập ổn định và bình quân đạt 7,2 triệu đồng/ người/ tháng. Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho người lao động.
- Ngoài ra, HĐQT đã hoạt động theo đúng nguyên tắc tại các quy định hiện hành và điều lệ công ty. Các quyết định, nghị quyết ban hành đảm bảo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

2. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: triệu đồng

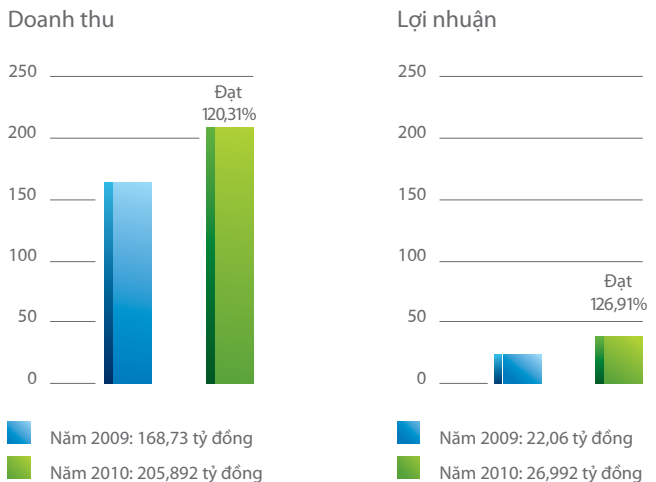
Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010 (t)	Thực hiện năm 2010	TH/KH (%)	TH 2010/ TH 2009 (%)
Doanh thu	210.000	205.892	98,04	122,02
Lợi nhuận trước thuế	29.400	26.992	93,57	122,34

Đánh giá chung:

Kết quả trên đã đạt gần mức kế hoạch đã phản ánh sự nỗ lực lớn của lãnh đạo công ty, thể hiện qua các yếu tố sau:

- Trong 6 tháng đầu năm, tình hình nắng nóng kéo dài gây mất điện liên tục, mặc dầu có nhiều nỗ lực khắc phục nhưng điều này cũng làm ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, kế hoạch sản xuất bị đình trệ gây đứt hàng liên tục.
- Công tác đầu tư nhà máy GMP đồng dược đã làm gián đoạn hoạt động sản xuất của nhà máy trong một thời gian nhất định, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của nhóm hàng chiến lược.
- Kế hoạch xuất khẩu tăng trưởng tốt cũng góp phần ảnh hưởng đến doanh số của các nhóm hàng trong nước do tập trung làm hàng xuất khẩu.
- Khả năng thu hồi nợ trong kênh bán hàng ETC là rất chậm làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh trên kênh này, việc bán hàng cũng hạn chế đối với các cơ sở thu hồi nợ quá chậm.

Biểu đồ tăng trưởng của các chỉ tiêu:



3. Về hoạt động tiếp thị và bán hàng:

- Tái cấu trúc bộ phận bán hàng, tuyển dụng nhân sự có chất lượng vào các vị trí chủ chốt, thành lập Ban Phát triển kinh doanh toàn quốc và Phòng bán hàng để thúc đẩy hoạt động bán hàng.
- Mạng lưới kinh doanh được phân cấp và mở rộng với việc thành lập thêm chi nhánh tại 02 tỉnh Thanh Hóa và Khánh Hòa nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh.
- Việc xây dựng sứ mệnh, hình ảnh và các cam kết của công ty luôn là nội dung luôn được quan tâm để xây dựng một thương hiệu gắn gũi mà tin tưởng đối với khách hàng. Tham gia các hội chợ trong và ngoài nước, các hội thảo quan trọng, thực hiện các hoạt động xã hội để đưa thương hiệu Danapha đến gần hơn với người tiêu dùng.
- Thông qua các sự kiện như lễ khởi công, lễ khánh thành nhà máy cũng tạo được các hiệu ứng tốt về sự nhận dạng và tin tưởng đối với thương hiệu Danapha.

4. Công tác xuất nhập khẩu:

- Công tác xuất khẩu đã có sự tăng trưởng đột phá về doanh thu, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,742 triệu USD với mức tăng trưởng đạt 190,7%.
- Công tác xúc tiến thương mại luôn được quan tâm trong việc tìm kiếm các thị trường mới, thị trường tiềm năng. Tuy kim ngạch chưa lớn nhưng bước đầu đã tiếp cận thị trường Lào. Hiện tại đã hoàn tất các thủ tục đăng ký sản phẩm Danapha tại Bộ Y tế các nước Nigeria, Myanmar và đã gửi hàng mẫu cho các đối tác từ Myanmar và Cuba. Một số các khách hàng đang tìm hiểu và trao đổi thông tin đến từ các nước Sri Lanka, Cộng hòa Yemen, Hàn Quốc và các nước Trung Đông, Châu Phi,...
- Công tác nhập khẩu đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời cho sản xuất. Trong năm đảm bảo 100% chất lượng các lô hàng nhập, không lô hàng nào bị trả lại.

5. Công tác nghiên cứu và phát triển:

- Với sự đầu tư mạnh mẽ, trong năm 2010 công tác nghiên cứu đã cho ra đời 08 sản phẩm mới, đã triển khai sản xuất 07 sản phẩm mới của năm 2009.
- Đối với các đề tài khoa học: Đã xong 02 đề tài nghiên cứu cơ

sở (Hợp tác nghiên cứu với Viện Kiểm nghiệm Trung ương và Viện công nghệ hóa học Việt Nam) và đang triển khai 01 đề tài cấp Bộ (Hợp tác với Bệnh viện phụ sản Trung ương).

- Tiếp tục nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường và khách hàng.
- Tiến hành nghiên cứu chiết xuất pilot trên dây chuyền mini để hoàn thiện các quy trình chiết xuất chính thức của nhà máy 2 nhằm tăng hiệu quả quá trình chiết và tiết kiệm chi phí.
- Nghiên cứu xây dựng các quy trình chiết xuất các dược liệu để nâng cao hàm lượng trong sản phẩm Dưỡng tâm an thần và một số sản phẩm đông dược khác.
- Quá trình xây dựng Trung tâm R&D đã thực hiện đến các bước hoàn thiện cuối cùng và sẽ sớm đi vào hoạt động trong quý I năm 2011, hứa hẹn sẽ đưa công tác nghiên cứu phát triển đến các thành công mới.
- Đã mời được các chuyên gia đầu ngành của các Viện, Trường hợp tác với R&D để cho ra đời các sản phẩm mới có tác dụng và hiệu quả điều trị cao
- Nghiên cứu thị trường, khảo sát và thu thập thông tin từ bộ phận bán hàng để tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu của thị trường để có các chính sách sản phẩm đúng đắn.

6. Công tác quản lý chất lượng:

- Hệ thống quản lý chất lượng luôn được duy trì và nâng cao. Công tác giám sát các mặt về tình trạng hoạt động của thiết bị, tình trạng hoạt động của hệ thống PCCC, vệ sinh nhà xưởng luôn được quan tâm theo dõi thường xuyên.
- Công tác thẩm định được tiến hành định kỳ theo kế hoạch như: Thẩm định hệ thống điều hòa không khí, thẩm định quy trình vệ sinh, môi trường vô trùng, tay nhân viên, hệ thống khí nén,...
- Hoàn thiện hệ thống, quy trình quản lý chất lượng cho nhà máy 2, đã được Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế đánh giá và công nhận đạt chuẩn GMP-WHO.
- Tiếp tục chuẩn bị công tác tái thẩm định GMP-WHO cho nhà máy 1 trong năm 2011.
- Hệ thống quản lý chất lượng cũng thường xuyên cập nhật, theo dõi đánh giá định kỳ và đã được nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2008.



7. Công tác đầu tư:

- Nhà máy sản xuất thuốc GMP đồng dược tại Khu công nghiệp Hòa Khánh đã đi vào hoạt động, đáp ứng tốt nhất các điều kiện sản xuất hiện đại và đã được Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế đánh giá và công nhận đạt chuẩn GMP-WHO vào tháng 10/2010.
- Đầu tư các thiết bị hoàn chỉnh cho nhà máy 2 và xây dựng kế hoạch đầu tư cho nhà máy 1 trong năm 2011 để tiếp tục hoàn thiện các dây chuyền sản xuất, đáp ứng quy mô sản xuất ngày càng tăng.
- Chú trọng đầu tư các thiết bị cho các công đoạn cần nhiều sức lao động, dễ gây nhầm lẫn và yêu cầu thao tác chuẩn như các công đoạn đóng gói, phân liều.
- Hoàn tất việc mua đất đầu tư cao ốc Danapha tại trung tâm thành phố theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện các công việc chuẩn bị liên quan đến triển khai dự án.

8. Công tác tài chính:

- Trong năm 2010, phòng tài chính đã thực hiện tốt việc đảm bảo các nguồn vốn hoạt động cho công ty cũng như các nguồn vốn phục vụ cho các dự án đầu tư triển khai trong năm.
- Tham gia vào việc xây dựng phương án phát hành sao cho đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và nhà đầu tư.
- Tận dụng được nguồn vốn vay ưu đãi từ Tổng Công ty thông qua các phương án hợp tác kinh doanh trong điều kiện lãi suất tăng cao.
- Siết chặt công tác quản lý chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp góp phần tăng lợi nhuận.
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp tiềm năng, hoạt động có hiệu quả.

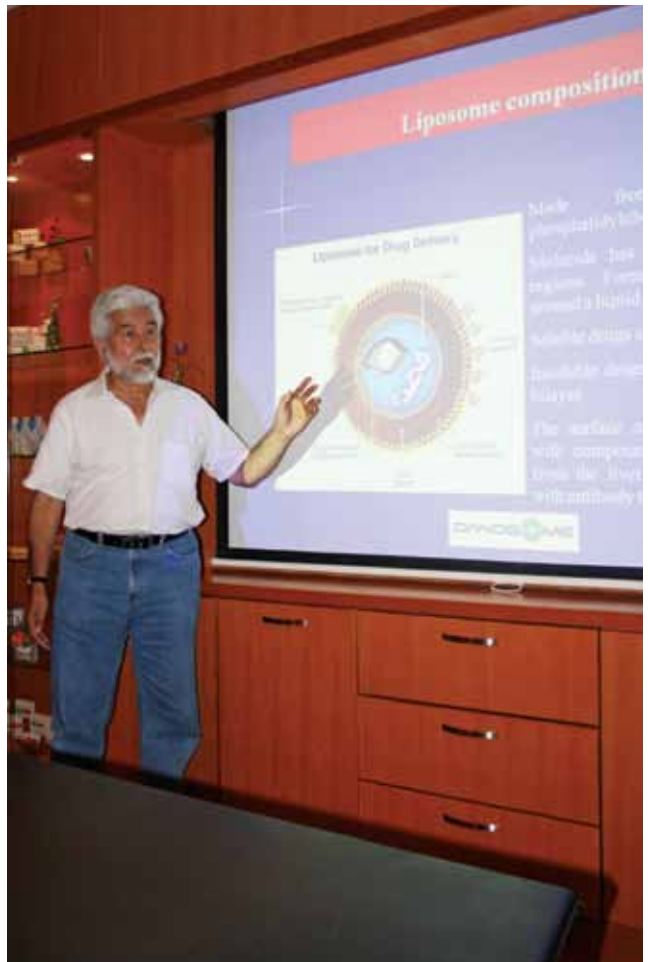
9. Công tác quản trị nhân sự và đào tạo:

- Tập trung đào tạo cho đội ngũ quản lý cấp trung, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ với đầy đủ năng lực và phẩm chất để làm đội ngũ kế thừa cho tương lai phát triển của công ty.
- Công tác tuyển dụng chú trọng thu hút được nhân tài trong điều kiện khó khăn của miền Trung, đánh giá chất lượng ứng viên ngay từ đầu để có được nguồn nhân lực có chất lượng cao. Trong năm đã tuyển dụng được nhiều lao động có chất lượng cao, nắm giữ các vị trí quan trọng để thúc đẩy hoạt động của công ty.
- Tính đến 31/12/2010, tổng số CBCNV công ty là 368 người. Trong đó: Trình độ trên đại học là 11 người; Đại học là 121 người; Cao đẳng và trung cấp là 129 người; Công nhân kỹ thuật là 54 người và lao động khác là 55 người.
- Công tác đào tạo và đào tạo lại luôn được chú trọng. Trong năm đã thực hiện được 25 đợt đào tạo với số người được đào tạo là 350 người.



10. Công tác xã hội:

Với sứ mệnh “Nỗ lực cống hiến vì sức khỏe cộng đồng với những giá trị nhân văn cao đẹp”, hằng năm Danapha đều dành một khoản kinh phí nhất định cho các hoạt động xã hội và từ thiện. Với tổng kinh phí 325.730.000 đồng trong năm 2010, Danapha đã thực hiện được các chương trình sau: Ủng hộ kinh phí thăm bộ đội Trường Sa; Thăm địa chỉ nhân đạo tại Trường tiểu học Thanh Khê; Gặp mặt cán bộ hưu trí; Hoạt động từ thiện tại xã Trà Mai; Học bổng cho học sinh nghèo vượt khó phường Thanh Khê Tây; Ủng hộ kinh phí cho hội khuyến học thành phố Đà Nẵng, phường Hòa Hiệp Bắc (Đà Nẵng), huyện Tây Giang (Quảng Nam), Hội người mù thành phố Đà Nẵng và Hội người mù quận Liên Chiểu; Tham gia chương trình Mái ấm tình thương do Tổng Liên đoàn phát động; Nuôi dưỡng và chăm sóc 04 mẹ VNAH; Ủng hộ Quỹ vì người nghèo thành phố Đà Nẵng; Thăm và tặng quà trẻ em mồ côi chùa Quang Châu, huyện Hòa Vang, Hội Nhân ái và Trung tâm mái ấm tình thương Đà Nẵng; Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung; Xây nhà tình nghĩa tại huyện Hòa Vang.





III. Mục tiêu và Kế hoạch năm 2011:

1. Dự báo tình hình năm 2011:

- Thị trường tài chính vẫn tiếp tục đối mặt với những diễn biến phức tạp khó lường, lãi suất tăng, tỷ lệ lạm phát cao ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp.
- Ngành dược dự báo sẽ có sự tăng trưởng tốt với sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp trong nước và sự gia tăng của tỷ lệ sử dụng thuốc nội trên các kênh điều trị.
- Quá trình hội nhập với thế giới buộc các doanh nghiệp phải có những định hướng và quyết sách đúng đắn để nâng tầm và thương hiệu cho doanh nghiệp trên các sân chơi lớn hơn.

2. Mục tiêu năm 2011:

Căn cứ trên các yếu tố dự báo tổng quan chung và tình hình cụ thể của doanh nghiệp, Danapha tập trung phấn đấu cho các chỉ tiêu năm 2011 như sau:

- Doanh thu: 250 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 13%/ doanh thu
- Cổ tức: 20%/ vốn điều lệ

3. Các định hướng lớn trong năm 2011:

- Năm 2010 qua đi với những khó khăn nhất định trong điều kiện cần phải thay đổi, sắp xếp lại một số công tác trọng điểm để đi vào quy cũ, nề nếp nhằm phục vụ cho định hướng phát triển bền vững mà HĐQT công ty đã thông qua nhưng Ban lãnh đạo công ty đã có những nỗ lực nhất định trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, xây dựng các chương trình hành động phục vụ cho các mục tiêu phát triển lâu dài của công ty.

- Năm 2011 với những thách thức khó khăn trước mắt nhưng lãnh đạo công ty kiên trì và nỗ lực thực hiện các chương trình chiến lược chính như sau:

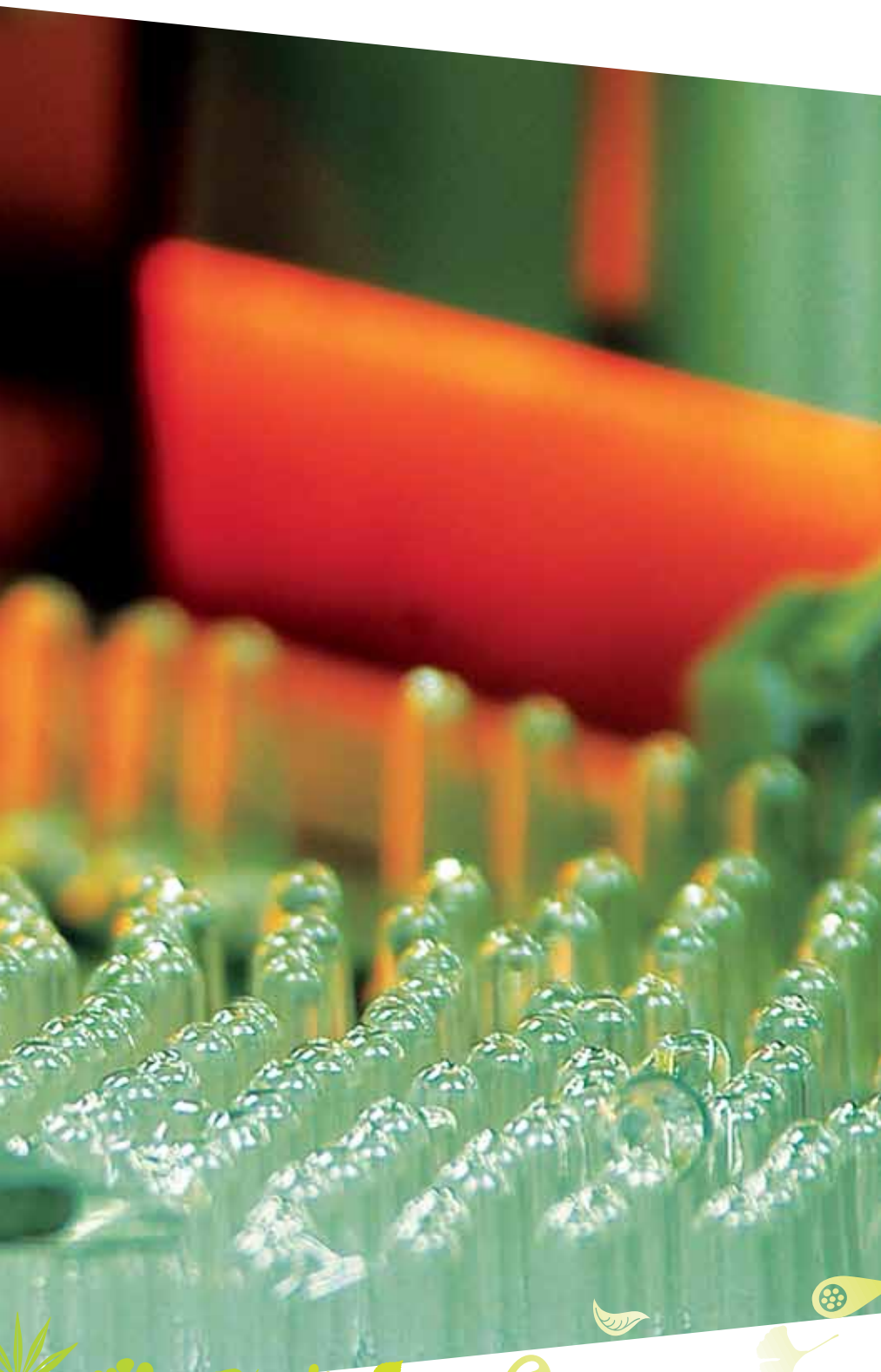
- + Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển đến 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.
- + Xây dựng cao ốc Danapha tại trung tâm thành phố, chuyển khối văn phòng về cao ốc và cải tạo khu văn phòng cũ cho dự án Phân hiệu đại học Dược Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng.
- + Đưa Trung tâm nghiên cứu phát triển vào hoạt động và xây dựng cơ chế hoạt động cho trung tâm để mang lại hiệu quả cao hơn.
- + Dự kiến phát hành thêm 2 triệu cổ phiếu nâng vốn điều lệ công ty lên 82 tỷ đồng và tiến hành niêm yết ngay khi có đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất.
- + Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dây chuyền sản xuất tại các nhà máy theo hướng hiện đại, tự động hóa, giảm lao động thủ công, giảm sai sót, tăng năng suất và mở rộng quy mô nhằm phục vụ cho kế hoạch phát triển lâu dài.
- + Phát triển và mở rộng các vùng trồng dược liệu đạt chuẩn theo quy định từ khâu chọn giống, nuôi trồng, thu hái. Đầu tư xây dựng các trạm sơ chế tại các vùng trồng.
- + Tiếp tục tái cấu trúc nguồn nhân sự theo hướng gọn nhẹ và hiệu quả, tập trung cho công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- + Tập trung phát triển đội ngũ bán hàng: có tâm, năng động, nhiệt tình, tự tin và được trang bị đầy đủ kiến thức về sản phẩm cũng như kiến thức bán hàng.



Danapha
Danapha
CÁT
HIỆM 5
H06-09
05.09.20
1730

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của
Kiểm toán viên độc lập
Bảng cân đối kế toán
Thuyết minh báo cáo tài chính



Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập



KPMG Limited: 10th floor, Sun Wah Tower,
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267
Web: www.kpmg.com.vn

**Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Dược Danapha**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-258



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Bảng cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		173.401.053.831	138.189.008.447
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	29.775.258.517	20.232.496.289
Tiền	111		29.775.258.517	18.932.496.289
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.300.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	4	6.649.782.451	907.268.655
Các khoản phải thu	130	5	72.397.451.228	67.058.704.161
Phải thu thương mại	131		62.261.947.270	46.168.082.193
Trả trước cho nhà cung cấp	132		8.417.127.334	17.954.943.704
Các khoản phải thu khác	135		2.088.866.543	2.935.678.264
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(370.489.919)	-
Hàng tồn kho	140	6	58.831.579.338	49.863.731.009
Hàng tồn kho	141		60.331.511.033	49.863.731.009
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.499.931.695)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.746.982.297	126.808.333
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.743.548.188	123.374.224
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154		3.434.109	3.434.109
Tài sản dài hạn	200		91.283.619.441	40.899.133.975
Tài sản cố định	220		77.321.585.191	35.757.099.725
Tài sản cố định hữu hình	221	7	75.856.189.065	33.962.320.708
<i>Nguyên giá</i>	222		122.888.359.251	74.017.857.654
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47.032.170.186)	(40.055.536.946)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.465.396.126	1.794.779.017
Các khoản đầu tư dài hạn	250	9	13.820.000.000	5.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.820.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		142.034.250	142.034.250
Chi phí trả trước dài hạn	261		142.034.250	142.034.250
TỔNG TÀI SẢN	270		264.684.673.272	179.088.142.422

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Bảng cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		121.760.025.394	66.273.481.802
Nợ ngắn hạn	310		81.420.768.799	55.434.867.643
Vay ngắn hạn	311	10	18.384.624.089	6.394.231.984
Phải trả người bán	312		26.978.627.080	18.684.301.614
Người mua trả tiền trước	313		101.024.923	102.513.700
Thuế phải nộp Nhà nước	314	11	2.058.931.018	2.179.227.120
Phải trả người lao động	315		3.344.548.408	5.922.383.638
Chi phí phải trả	316	12	4.563.652.376	1.118.753.760
Phải trả khác	319	13	24.780.153.484	21.033.455.827
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	14	1.209.207.421	-
Vay và nợ dài hạn	330		40.339.256.595	10.838.614.159
Vay dài hạn	334	15	40.235.000.000	10.698.511.555
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	104.256.595	140.102.604
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.924.647.878	104.019.834.337
Vốn chủ sở hữu	410		142.924.647.878	103.032.896.636
Vốn cổ phần	411	17	62.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	17	58.100.000.000	36.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá	416		-	500.732.516
Quỹ đầu tư và phát triển	417	18	19.681.730.578	13.546.583.958
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	3.142.917.300	2.485.580.162
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguyên kinh phí sự nghiệp	430		-	986.937.701
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	986.937.701
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	8.794.826.283
TỔNG NGUỒN VỐN	440		264.684.673.272	179.088.142.422

Người lập:



Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Trí
Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 3 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động Kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	19	205.892.409.339	168.729.269.960
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.310.041.427)	(655.274.899)
Doanh thu thuần	10		204.582.367.912	168.073.995.061
Giá vốn hàng bán	11	20	(113.223.784.174)	(93.369.864.800)
Lợi nhuận gộp	20		91.358.583.738	74.704.130.261
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.577.162.269	911.568.374
Chi phí tài chính	22	22	(5.367.217.496)	(2.424.924.536)
Chi phí bán hàng	24		(38.223.041.419)	(32.396.363.720)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(23.299.011.668)	(18.889.778.506)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.046.475.424	21.904.631.873
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		10.161.811	213.419.650
Chi phí khác	32		(64.240.119)	(54.899.846)
Lợi nhuận trước thuế	50		26.992.397.116	22.063.151.677
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	23	(5.081.159.186)	(2.864.151.302)
Lợi nhuận thuần	60		21.911.237.930	19.199.000.375
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		-	(25.173.717)
Chủ sở hữu của Công ty	62		21.911.237.930	19.224.174.092
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	4.092	3.845

Người lập:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 3 năm 2011

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	50.000.000.000	36.500.000.000	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-
Cổ tức (thuyết minh 25)	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	500.732.516
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	50.000.000.000	36.500.000.000	500.732.516
Phân loại lại vào nợ ngắn hạn	-	-	-
Phát hành cổ phiếu	12.000.000.000	21.600.000.000	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-
Cổ tức (thuyết minh 25)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	(500.732.516)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	62.000.000.000	58.100.000.000	-





Quý đầu tư và phát triển VNĐ	Quý dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ	Quý khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
6.231.441.341	1.523.061.397	-	94.254.502.738	916.653.951	95.171.156.689
-	-	19.224.174.092	19.224.174.092	-	19.224.174.092
7.315.142.617	962.518.765	(10.724.174.092)	(2.446.512.710)	2.446.512.710	-
-	-	(8.500.000.000)	(8.500.000.000)	-	(8.500.000.000)
-	-	-	-	(2.376.228.960)	(2.376.228.960)
-	-	-	500.732.516	-	500.732.516
13.546.583.958	2.485.580.162	-	103.032.896.636	986.937.701	104.019.834.337
-	-	-	-	(986.937.701)	(986.937.701)
-	-	-	33.600.000.000	-	33.600.000.000
-	-	21.911.237.930	21.911.237.930	-	21.911.237.930
6.135.146.620	657.337.138	(6.792.483.758)	-	-	-
-	-	(3.338.754.172)	(3.338.754.172)	-	(3.338.754.172)
-	-	(11.780.000.000)	(11.780.000.000)	-	(11.780.000.000)
-	-	-	(500.732.516)	-	(500.732.516)
19.681.730.578	3.142.917.300	-	142.924.647.878	-	142.924.647.878

Người lập:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 3 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		26.992.397.116	22.063.151.677
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.353.589.557	6.329.018.586
Các khoản dự phòng	03		2.124.239.380	219.023.352
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(284.558.127)	-
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(1.490.003.198)	(826.488.274)
Chi phí lãi vay	06		4.834.943.703	1.824.584.277
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		39.530.608.431	29.609.289.618
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(23.034.519.168)	(23.102.613.002)
Biến động hàng tồn kho	10		(10.467.780.024)	(6.514.535.523)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		7.414.912.396	6.437.195.567
			13.443.221.635	6.429.336.660
Lãi vay đã trả	13		(4.802.610.495)	(1.824.584.277)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.373.419.655)	(2.512.500.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.432.349.442)	(2.376.228.960)
Tiền thuần thu từ /(chi cho) hoạt động kinh doanh	20		1.834.842.043	(283.976.577)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(49.511.611.770)	(6.454.126.033)
Tiền (chi cho)/ thu từ đầu tư ngắn hạn	24		(5.683.914.368)	1.129.971.345
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(6.620.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.515.118.892	826.488.274
Ảnh hưởng của việc thôi hợp nhất	28		(58.529.564)	-
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(60.358.936.810)	(4.497.666.414)



	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		33.600.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		53.895.359.264	17.532.469.615
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.368.478.714)	(10.590.303.640)
Tiền trả cổ tức	36		(7.439.190.000)	(5.315.566.250)
Vốn góp bởi cổ đông thiểu số	37		-	8.820.000.000
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		67.687.690.550	10.446.599.725
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.163.595.783	5.664.956.734
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		20.232.496.289	14.567.539.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		379.166.445	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	29.775.258.517	20.232.496.289

Người lập:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Trí
Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 3 năm 2011



Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược Danapha “Công ty” là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5. Công ty bắt đầu chính thức là công ty cổ phần vào ngày 20 tháng 12 năm 2006 khi công ty Nhà nước trước đây chuyển giao con dấu cho Công ty. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong ngành dược.

Tháng 10 năm 2009, Công ty góp 51% vốn, thành lập công ty con là Công ty Cổ phần Dược Danapha-Nanosome theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 321032000092 ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp. Vốn đăng ký của công ty con này là 18.000.000.000 VNĐ và hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh dược phẩm sản xuất bằng công nghệ nano.

Tháng 8 năm 2010, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Danapha-Nanosome quyết định điều chỉnh tỷ lệ góp vốn giữa các cổ đông sáng lập, theo đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Dược Danapha sau khi điều chỉnh là 49% và Công ty Cổ phần Dược Danapha-Nanosome trở thành công ty liên kết. Do việc giảm vốn này, Công ty không có công ty con và không lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, công ty cổ phần Dược Danapha-Nanosome chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Thuyết minh 29 cung cấp thông tin về ảnh hưởng lên báo cáo tài chính của việc giảm vốn và thay đổi từ công ty con thành công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 363 nhân viên (31/12/2009: 323 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

a. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam “VNĐ” được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

b. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

c. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái mà theo đó các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phép hoãn lại.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Công ty thay đổi chính sách kế toán chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (“VAS 10”). Chuẩn mực này yêu cầu chênh lệch tỷ giá hối đoái phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến



Khi Công ty bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

d. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

e. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, bao gồm cả các khoản đầu tư vào công ty liên kết, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

f. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

g. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

h. Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa 5 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị 3 - 10 năm
- phương tiện vận chuyển 3 - 6 năm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

i. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

j. Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

k. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

l. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm được các cổ đông quyết định vào đại hội cổ đông thường niên.

m. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

n. Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

o. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

p. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.



3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Tiền mặt	1.605.593.202	613.582.053
Tiền gửi ngân hàng	28.169.665.315	18.318.914.236
Các khoản tương đương tiền	-	1.300.000.000
	29.775.258.517	20.232.496.289

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 8.840.386.316 VNĐ (31/12/2009: 5.200.760.152 VNĐ).

4. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn 3 tháng và 6 tháng và tiền lãi thu được theo lãi suất năm lần lượt là 0.98% và 0.97% (2009: 2.3%).

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Phải thu khác từ cổ đông lớn nhất	1.304.794.725	1.304.794.725
Ký quỹ ngắn hạn	207.910.185	798.115.702
Phải thu khác	576.161.633	832.767.837
	2.088.866.543	2.935.678.264

Khoản phải thu phi thương mại từ cổ đông lớn nhất không được đảm bảo và không chịu lãi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện số dự phòng lập trong năm.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Nguyên vật liệu	39.861.112.548	31.803.142.456
Công cụ và dụng cụ	85.709.293	77.896.795
Sản phẩm dở dang	4.073.628.706	3.609.230.016
Thành phẩm	16.310.831.933	14.373.461.742
Hàng hóa	228.553	-
	60.331.511.033	49.863.731.009
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.499.931.695)	-
	58.831.579.338	49.863.731.009

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thể hiện khoản dự phòng mới lập trong năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)



7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	33.106.470.110	37.635.646.194	3.275.741.350	74.017.857.654
Tăng trong năm	2.060.599.532	21.059.642.085	1.193.357.112	24.313.598.729
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.423.704.964	7.535.269.915	-	24.958.974.879
Xóa sổ	(311.158.011)	(90.914.000)	-	(402.072.011)
Số dư cuối năm	52.279.616.595	66.139.644.194	4.469.098.462	122.888.359.251
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	14.707.195.106	23.281.128.713	2.067.213.127	40.055.536.946
Khấu hao trong năm	2.708.320.168	4.290.521.465	354.747.924	7.353.589.557
Xóa sổ	(286.042.317)	(90.914.000)	-	(376.956.317)
Số dư cuối năm	17.129.472.957	27.480.736.178	2.421.961.051	47.032.170.186
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	35.150.143.638	38.658.908.016	2.047.137.411	75.856.189.065
Số dư đầu năm	18.399.275.004	14.354.517.481	1.208.528.223	33.962.320.708

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 17.705.407.452 VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 17.996.466.293 VNĐ), nhưng vẫn còn được sử dụng.

Trong năm chi phí vay được vốn hóa trong tài sản cố định hữu hình tương đương 686.664.626 VNĐ (2009: 0 VNĐ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 9.006.762.058 VNĐ (31/12/2009: 11.289.743.749 VNĐ) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Số dư đầu năm	1.794.779.017	-
Tăng trong năm	25.198.013.041	1.794.779.017
Giảm do công ty con thành công ty liên kết	(568.421.053)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.958.974.879)	-
Số dư cuối năm	1.465.396.126	1.794.779.017

Trong năm, chi phí vay được vốn hoá vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 1.059.183.425 VNĐ (2009: 0 VNĐ).

9. Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư vốn dài hạn tại	% sở hữu	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Công ty liên kết			
Công ty cổ phần dược Danapha - Nanosome	49%	8.820.000.000	-
Công ty khác			
Công ty thiết bị y tế	7%	5.000.000.000	5.000.000.000
		13.820.000.000	5.000.000.000

Biến động các khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Số dư đầu năm	5.000.000.000	5.000.000.000
Tăng do công ty con thành công ty liên kết	2.200.000.000	-
Góp vốn vào công ty liên kết	6.620.000.000	-
Số dư cuối năm	13.820.000.000	5.000.000.000

10. Vay ngắn hạn

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.417.484.534	2.874.231.984
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 15)	2.967.139.555	3.520.000.000
	18.384.624.089	6.394.231.984

Khoản vay ngắn hạn được rút từ hạn mức vay 20.000.000.000 VNĐ (31/12/2009: 21.000.000.000 VNĐ) và chịu lãi suất năm từ 12% đến 18% (2009: 2.9% đến 13.00%).

11. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	1.166.759.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.006.159.186	298.419.655
Thuế thu nhập cá nhân	52.771.832	714.048.462
	2.058.931.018	2.179.227.120

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Hoa hồng cho đại lý	3.527.552.168	-
Chi phí khuyến mãi	-	822.727.260
Phí kiểm toán	169.193.652	296.026.500
Lãi vay phải trả	866.906.556	-
	4.563.652.376	1.118.753.760

13. Phải trả khác

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Phí công đoàn	151.165.354	190.701.580
Bảo hiểm xã hội và y tế	2.314.786	-
Các khoản phải trả cổ phần hóa	1.304.794.725	1.304.794.725
Tạm ứng từ cổ đông chính cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000
Cố tức phải trả	11.780.000.000	7.439.190.000
Phải trả khác	1.541.878.619	2.098.769.522
	24.780.153.484	21.033.455.827

Khoản tạm ứng từ cổ đông chính cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh liên quan đến việc sản xuất dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí vay cố định là 625.000.000 VNĐ trong năm 2010 và được hoàn trả cho cổ đông chính cùng với tiền tạm ứng gốc vào ngày 15 tháng 2 năm 2011.

14. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2010 (VNĐ)
Chuyển từ nguồn kinh phí sự nghiệp	986.937.701
Tăng do công ty con trở thành công ty liên kết	26.201.215
Trích từ lợi nhuận giữ lại	3.338.754.172
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(3.142.685.667)
Số dư cuối năm	1.209.207.421

15. Vay dài hạn

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Vay dài hạn	43.202.139.555	14.218.511.555
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 10)	(2.967.139.555)	(3.520.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	40.235.000.000	10.698.511.555

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất thực tế	Năm đáo hạn	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	VNĐ	18%	6/2012	1.960.000.000	3.080.000.000
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (b)	VNĐ	17,5%	6/2011	1.847.139.555	4.247.139.555
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (c)	VNĐ	18,4%	9/2014	32.150.000.000	6.891.372.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (d)	VNĐ	16,4%	12/2014	7.245.000.000	-
				43.202.139.555	14.218.511.555

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.780.578.136 VNĐ (31/12/2009: 5.308.958.572 VNĐ).
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.226.183.922 VNĐ (31/12/2009: 5.980.785.177 VNĐ).
- (c) Khoản vay này là khoản vay tín chấp có hạn mức tối đa là 32.500.000.000 VNĐ.
- (d) Khoản vay này là khoản vay tín chấp có hạn mức tối đa 7.245.500.000 VNĐ.

16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2010 (VNĐ)
Số dư đầu năm	140.102.604
Trích lập dự phòng trong năm	253.817.766
Sử dụng dự phòng trong năm	(289.663.775)
Số dư cuối năm	104.256.595

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	6.200.000	62.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.200.000	62.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.200.000	62.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	1.200.000	12.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	6.200.000	62.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cổ đông của Công ty gồm:

	2010	2009
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Tổng công ty Dược Việt Nam	2.916.125	2.351.125
Các cổ đông khác	3.283.875	2.648.875
	6.200.000	5.000.000

Vào tháng 8 năm 2010, Công ty phát hành thêm 1.200.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược với giá là 28.000 VNĐ mỗi cổ phiếu. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá là 21.600.000.000 VNĐ được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

18. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và được dùng để bù cho lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Tổng doanh thu		
Bán hàng	205.892.409.339	168.729.269.960
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(54.156.463)	-
Hàng bán bị trả lại	(1.255.884.964)	(655.274.899)
Doanh thu thuần	204.582.367.912	168.073.995.061

20. Giá vốn hàng bán

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Thành phẩm đã bán	112.408.434.319	93.269.768.155
Hàng hoá đã bán	815.349.855	100.096.645
	113.223.784.174	93.369.864.800

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Lãi tiền gửi và cho vay	1.215.118.892	586.488.274
Cổ tức	300.000.000	240.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.062.043.377	85.080.100
	2.577.162.269	911.568.374

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

22. Chi phí tài chính

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Chi phí lãi vay	4.834.943.703	1.824.584.277
Lỗ chênh lệch tỷ giá	532.273.793	600.340.259
	5.367.217.496	2.424.924.536

23. Thuế thu nhập

a. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.081.159.186	2.864.151.302

b. Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Lợi nhuận trước thuế	26.992.397.116	22.063.151.677
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.748.099.279	5.515.787.919
Ưu đãi thuế	(5.081.159.186)	(2.757.893.960)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.414.219.093	106.257.343
	5.081.159.186	2.864.151.302

c. Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế. Dựa trên Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số 164/2003 NĐ/CP ngày 22/12/2003 do Chính phủ ban hành cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập cho năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập cho hai năm tiếp theo (2009 đến 2010).

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Lợi nhuận thuộc các cổ đông phổ thông của Công ty	21.911.237.930	19.224.174.092

(ii) Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền đang lưu hành

	2010	2009
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành ngày 14 tháng 9 năm 2010	355.068	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	5.355.068	5.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

25. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 26 tháng 3 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức 11.780.000.000 VNĐ, tương đương 1.900 VNĐ trên một cổ phiếu (2009: 8.500.000.000 VNĐ, tương đương 1.700 VNĐ trên một cổ phiếu).

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Công ty liên quan		
Tổng công ty Dược Việt Nam		
Cổ tức	5.540.637.500	4.008.812.500
Tạm ứng cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000
Lãi hợp tác kinh doanh	1.179.528.556	691.389.000
Góp vốn cổ phần	15.820.000.000	-
Thành viên của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị		
Lương và thù lao	1.203.148.303	1.222.365.707

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

27. Cam kết

a. Đầu tư mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có các cam kết đầu tư mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	50.157.282.361	124.343.019.641

b. Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Trong vòng một năm	589.766.600	446.073.196
Từ hai đến năm năm	1.156.200.414	484.832.779
Sau năm năm	3.240.345.206	1.901.200.251
	4.986.312.220	2.832.106.226

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	89.715.761.764	77.935.107.566
Chi phí nhân công và nhân viên	25.945.534.981	26.195.738.662
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.353.589.557	6.329.018.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.465.978.968	12.176.258.733
Chi phí khác	34.264.971.991	22.019.883.479

29. Giảm tỷ lệ đầu tư

Tháng 8 năm 2010, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dược Danapha-Nanosome quyết định điều chỉnh tỷ lệ góp vốn giữa các cổ đông sáng lập. Tỷ lệ góp vốn của Công ty cổ phần Dược Danapha chuyển từ 51% xuống 49%, theo đó Công ty cổ phần dược Danapha-Nanosome từ Công ty con trở thành công ty liên kết. Do việc giảm vốn này, Công ty không có công ty con và do đó không lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty cổ phần dược Danapha-Nanosome chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty không hợp nhất tài sản và nợ phải trả của Công ty cổ phần Danapha-Nanosome tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như thu nhập, chi phí của công ty này cho năm kết thúc cùng ngày. Phần lợi ích cổ đông thiểu số cũng được loại trừ và Công ty ghi nhận lại phần đầu tư vào công ty liên kết theo nguyên giá.

Bảng số liệu dưới đây trình bày ảnh hưởng của việc giảm tỷ lệ đầu tư này đối với các số liệu báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày, trong đó so sánh số liệu hợp nhất đã báo cáo và số liệu không hợp nhất để so sánh.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	31/12/2009 (VNĐ) không hợp nhất (để so sánh)	31/12/2009 (VNĐ) hợp nhất (đã báo cáo)
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn	100	126.622.045.429	138.189.008.447
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	20.173.966.725	20.232.496.289
Tiền	111	18.873.966.725	18.932.496.289
Các khoản tương đương tiền	112	1.300.000.000	1.300.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	907.268.655	907.268.655
Các khoản phải thu	130	55.550.279.211	67.058.704.161
Phải thu thương mại	131	46.168.082.193	46.168.082.193
Trả trước cho nhà cung cấp	132	7.044.856.704	17.954.943.704
Các khoản phải thu khác	135	2.337.340.314	2.935.678.264
Hàng tồn kho	140	49.863.731.009	49.863.731.009
Tài sản ngắn hạn khác	150	126.799.829	126.808.333
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	123.365.720	123.374.224
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154	3.434.109	3.434.109
Tài sản ngắn hạn khác	158	-	-
Tài sản dài hạn	200	42.530.712.922	40.899.133.975
Tài sản cố định	220	35.188.678.672	35.757.099.725
Tài sản cố định hữu hình	221	33.962.320.708	33.962.320.708
<i>Nguyên giá</i>	222	74.017.857.654	74.017.857.654
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(40.055.536.946)	(40.055.536.946)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	1.226.357.964	1.794.779.017
Các khoản đầu tư dài hạn	250	7.200.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260	142.034.250	142.034.250
Chi phí trả trước dài hạn	261	142.034.250	142.034.250
TỔNG TÀI SẢN	270	169.152.758.351	179.088.142.422

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)



	Mã số	31/12/2009 (VNĐ) không hợp nhất (để so sánh)	31/12/2009 (VNĐ) hợp nhất (đã báo cáo)
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ	300	65.106.722.799	66.273.481.802
Nợ ngắn hạn	310	54.268.108.640	55.434.867.643
Vay ngắn hạn	311	6.394.231.984	6.394.231.984
Phải trả thương mại	312	18.684.301.614	18.684.301.614
Người mua trả tiền trước	313	102.513.700	102.513.700
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	1.012.468.117	2.179.227.120
Phải trả nhân viên	315	5.922.383.638	5.922.383.638
Chi phí trích trước	316	1.118.753.760	1.118.753.760
Các khoản phải trả khác	319	21.033.455.827	21.033.455.827
Nợ dài hạn	330	10.838.614.159	10.838.614.159
Vay dài hạn	334	10.698.511.555	10.698.511.555
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	140.102.604	140.102.604
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	104.046.035.552	104.019.834.337
Vốn chủ sở hữu	410	103.032.896.636	103.032.896.636
Vốn cổ phần	411	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	36.500.000.000	36.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá	416	500.732.516	500.732.516
Quỹ đầu tư phát triển	417	13.546.583.958	13.546.583.958
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.485.580.162	2.485.580.162
Lợi nhuận chưa phân phối	420	-	-
Quỹ khác	430	1.013.138.916	986.937.701
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	1.013.138.916	986.937.701
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	-	8.794.826.283
TỔNG NGUỒN VỐN	440	169.152.758.351	179.088.142.422

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	31/12/2009 (VNĐ) không hợp nhất (để so sánh)	31/12/2009 (VNĐ) hợp nhất (đã báo cáo)
Tổng doanh thu	01	168.729.269.960	168.729.269.960
Các khoản giảm trừ	02	(655.274.899)	(655.274.899)
Doanh thu thuần	10	168.073.995.061	168.073.995.061
Giá vốn hàng bán	11	(93.369.864.800)	(93.369.864.800)
Lợi nhuận gộp	20	74.704.130.261	74.704.130.261
Doanh thu hoạt động tài chính	21	910.256.573	911.568.374
Chi phí tài chính	22	(2.424.924.536)	(2.424.924.536)
Chi phí bán hàng	24	(32.396.363.720)	(32.396.363.720)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(18.837.091.773)	(18.889.778.506)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	21.956.006.805	21.904.631.873
Kết quả từ các hoạt động khác	40		
Thu nhập khác	31	213.419.650	213.419.650
Chi phí khác	32	(54.899.846)	(54.899.846)
Lợi nhuận trước thuế	50	22.114.526.609	22.063.151.677
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	(2.864.151.302)	(2.864.151.302)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận thuần	60	19.250.375.307	19.199.000.375

Người lập:



Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

ngày 31 tháng 3 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA





RANAPHA TOWER



Công ty Cổ Phần Dược Danapha

Văn phòng - Nhà máy 1: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam - **ĐT:** 0511 375 7676 - **Fax:** 0511 376 0127 - **Email:** info@danapha.com

Nhà máy 2: Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng - **ĐT:** 0511 373 4678

CN. Hà Nội: Số 6, N2, 89 Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - **ĐT:** 04 664 7358 - **Fax:** 04 664 7357

CN. TP. Hồ Chí Minh: 334 Tô Hiến Thành, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh - **ĐT:** 08 3970 8129 - **Fax:** 08 3970 8127

CN. Khánh Hòa: Số 7/1 Lê Hồng Phong, TP. Nha Trang, Khánh Hòa - **ĐT:** 058 387 0077 - **Fax:** 058 387 0097

CN. Thanh Hóa: Lô 28 Bà Triệu, Phường Đông Thọ, Thanh Hóa - **ĐT:** 037 371 9917 - **Fax:** 037 371 9918

www.danapha.com

